

<p>hãy tính diện tích của hình tròn có bán kính là 2dm.                  - GV nhận xét và nêu lại kết quả của bài                  - GV cho HS đọc lại quy tắc và công thức tính diện tích hình tròn</p>	<p>Diện tích của hình tròn là :  <math>2 \times 2 \times 3,14 = 12,56 \text{ (dm}^2\text{)}</math>                  - Lấy bán kính nhân với bán kính rồi nhân với số 3,14                  - HS ghi vào vở:  <math>S_{\text{tròn}} = r \times r \times 3,14</math></p>
<p><b>3. HĐ thực hành: (15 phút)</b>                  *Mục tiêu: - HS cả lớp làm bài 1(a,b), bài 2(a,b), bài 3.                  - HS( M3,4) làm tất cả các bài tập                  (Lưu ý: Giúp đỡ nhóm học sinh M1,2 hoàn thành các bài tập)                  *Cách tiến hành:</p>	
<p><b>Bài 1(a, b): HĐ cá nhân</b>                  - Gọi 1 HS đọc đề bài.                  - Yêu cầu HS nêu cách tính diện tích hình tròn.                  - Yêu cầu HS làm bài                  - GV nhận xét, chữa bài</p> <p><b>Bài 2(a,b): HĐ cá nhân</b>                  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu BT.                  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.                  - GV nhận xét chung, chữa bài.</p> <p><b>Bài 3: HĐ cá nhân</b>                  - Gọi 1 HS đọc đề bài.                  - Yêu cầu HS làm bài                  - GV nhận xét kết luận</p>	<p>- Cả lớp theo dõi                  - HS nêu                  - HS làm vào vở, chia sẻ trước lớp  <i>Bài giải</i>                  a, Diện tích của hình tròn là :  <math>5 \times 5 \times 3,14 = 78,5 \text{ (cm}^2\text{)}</math>                  b, Diện tích của hình tròn là :  <math>0,4 \times 0,4 \times 3,14 = 0,5024 \text{ (dm}^2\text{)}</math></p> <p>- Cả lớp theo dõi                  - Cả lớp làm vào vở, báo cáo kết quả  <i>Bài giải</i>                  a, Bán kính của hình tròn là :  <math>12 : 2 = 6 \text{ (cm)}</math>                  Diện tích của hình tròn là :  <math>6 \times 6 \times 3,14 = 113,04 \text{ (cm}^2\text{)}</math>                  b, Bán kính của hình tròn là :  <math>7,2 : 2 = 3,6 \text{ (dm)}</math>                  Diện tích của hình tròn là :  <math>3,6 \times 3,6 \times 3,14 = 40,6944 \text{ (dm}^2\text{)}</math></p> <p>- Tính S của mặt bàn hình tròn biết <math>r = 45\text{cm}</math>                  - Cả lớp làm vào vở, chia sẻ kết quả  <i>Bài giải</i>                  Diện tích của mặt bàn hình tròn là :  <math>45 \times 45 \times 3,14 = 6358,5 \text{ (cm}^2\text{)}</math>                  Đáp số: <math>6358,5\text{cm}^2</math></p>
<p><b>4. Hoạt động ứng dụng:(2phút)</b></p>	
<p>- Tính diện tích hình tròn có bán kính là 1,5cm.</p>	<p>- HS tính:  <math>1,5 \times 1,5 \times 3,14 = 7,065 \text{ (cm}^2\text{)}</math></p>

<b>5. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</b>	
- Về nhà tính diện tích bề mặt một đồ vật hình tròn của gia đình em.	- HS nghe và thực hiện

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

*Luyện từ và câu*  
**MỞ RỘNG VỐN TỪ: CÔNG DÂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu nghĩa của từ *công dân*( BT1).

**2. Kỹ năng:**

- Xếp được một số từ chứa tiếng *công* vào nhóm thích hợp theo yêu cầu của BT2.
- Nắm được một số từ đồng nghĩa với từ *công dân* và sử dụng phù hợp với văn cảnh( BT3, BT4)
- HS( M3,4) làm được BT4 và giải thích lí do không thay được từ khác.

**3. Thái độ:** Sử dụng từ ngữ chính xác.

**4. Năng lực:**

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**
- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ
- Học sinh: Vở viết, SGK, từ điển

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. Hoạt động khởi động:(5phút)</b>	
- Cho HS lần lượt đọc đoạn văn đã viết ở tiết Luyện từ và câu trước, chỉ rõ câu ghép trong đoạn văn, cách nối các vế câu ghép. - GV nhận xét - Giới thiệu bài- Ghi bảng	- HS đọc  - HS nghe - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động thực hành:(28 phút)</b> <i>* Mục tiêu:</i> - Hiểu nghĩa của từ <i>công dân</i> ( BT1). - Xếp được một số từ chứa tiếng <i>công</i> vào nhóm thích hợp theo yêu cầu của BT2. - Nắm được một số từ đồng nghĩa với từ <i>công dân</i> và sử dụng phù hợp với văn cảnh( BT3, BT4)	

- HS( M3,4) làm được BT4 và giải thích lí do không thay được từ khác.

(Giúp đỡ HS M1,2 hoàn thành các bài tập )

\* Cách tiến hành:

**Bài 1: HĐ cá nhân**

- Cho HS đọc yêu cầu của bài tập 1, đọc 3 câu a, b, c.

- GV giao việc:

+ Các em cần đọc 3 câu a, b, c.

+ Khoanh tròn trước chữ a, b hoặc c ở câu em cho là đúng.

- Cho HS làm bài.

- Cho HS trình bài kết quả.

- GV nhận xét và chốt lại kết quả đúng.

**Bài 2: HĐ cá nhân**

- Cho HS đọc yêu cầu của BT2

- GV giao việc:

+ Đọc kỹ các từ đã cho.

+ Đọc kỹ 3 câu a, b, c.

+ Xếp các từ đã đọc vào 3 nhóm a, b, c sao cho đúng.

- Cho HS làm bài

- Cho HS trình bài kết quả.

- GV nhận xét và chốt lại kết quả đúng

**Bài 3: HĐ cá nhân**

- Cho HS đọc yêu cầu của BT.

- GV giao việc:

+ Đọc các từ BT đã cho.

- 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm theo.

- HS dùng bút chì đánh dấu trong SGK

- Một số HS phát biểu ý kiến.

Ý đúng: Câu b

- 1 HS đọc to, lớp đọc thầm.

- HS làm bài vào vở (tra từ điển để tìm nghĩa của các từ đã cho).

- Một số HS trình bày miệng bài làm của mình.

+ Công bằng: Phải theo đúng lẽ phải, không thiên vị.

+ Công cộng: thuộc về mọi người hoặc phục vụ chung cho mọi người trong xã hội.

+ Công lý: lẽ phải phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội.

+ Công nghiệp: ngành kinh tế dùng máy móc để khai thác tài nguyên, làm ra tư liệu sản xuất hoặc hàng tiêu dùng.

+ Công chúng: đông đảo người đọc, xem, nghe, trong quan hệ với tác giả, diễn viên ...

+ Công minh: công bằng và sáng suốt.

+ Công tâm: lòng ngay thẳng chỉ vì việc chung không vì tư lợi hoặc thiên vị.

- 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm.

<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tìm nghĩa của các từ.</li> <li>+ Tìm từ đồng nghĩa với <i>công dân</i>.</li> <li>- Cho HS làm bài.</li>   <li>- Cho HS trình bài kết quả.</li> <li>- GV nhận xét và chốt lại kết quả đúng</li>   <p><b>Bài 4: HD cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc yêu cầu bài tập</li> <li>- GV giao công việc :</li> <li>- Các em đọc câu nói của nhân vật Thành</li> <li>- Chỉ rõ có thể thay thế từ “<i>công dân</i>” trong câu nói đó bằng từ đồng nghĩa được không?</li> <li>- Cho HS làm bài + trình bày kết quả</li> <li>- GV nhận xét chữa bài.</li> </ul> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm bài cá nhân; tra từ điển để tìm nghĩa các từ; tìm từ đồng nghĩa với từ <i>công dân</i>.</li> <li>- Một số HS phát biểu ý kiến.</li> <li>+ Các từ đồng nghĩa với công dân: <i>nhân dân, dân chúng, dân</i>.</li>   <li>- 1 HS đọc to, lớp đọc thầm.</li> <li>- HS theo dõi.</li>   <li>- HS làm bài, chia sẻ kết quả</li> <li>- Trong các câu đã nêu không thay thế từ công dân bằng những từ đồng nghĩa với nó vì từ <i>công dân</i> trong câu này có nghĩa là người dân của một nước độc lập, trái nghĩa với từ <i>nô lệ</i> ở vế tiếp theo. Các từ đồng nghĩa : <i>nhân dân, dân, dân chúng</i> không có nghĩa này</li> </ul>
<p><b>3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ nào dưới đây chứa tiếng "<i>công</i>" với nghĩa "<i>không thiên vị</i>" : <i>công chúng, công cộng, công minh, công nghiệp</i>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu: công minh</li> </ul>
<p><b>4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết một đoạn văn ngắn nói về nghĩa vụ của một công dân nhỏ tuổi đối với đất nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe về thực hiện.</li> </ul>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

**Địa lí**  
**CHÂU Á (Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được một số đặc điểm về dân cư của châu Á:
  - + Có số dân đông nhất.
  - + Phần lớn dân cư châu Á là người da vàng.
- Nêu một số đặc điểm về hoạt động sản xuất của cư dân châu Á:

+ Chủ yếu người dân làm nông nghiệp là chính, một số nước có công nghiệp phát triển.

- Nêu một số đặc điểm của khu vực Đông Nam Á:

+ Chủ yếu có khí hậu gió mùa nóng ẩm.

+ Sản xuất nhiều loại nông sản và khai thác khoáng sản.

**2. Kỹ năng:** Sử dụng tranh, ảnh, bản đồ, lược đồ để nhận biết một số đặc điểm của dân cư và hoạt động sản xuất của người dân Châu Á.

\* HS (M3,4):

+ Dựa vào lược đồ xác định được vị trí của khu vực Đông Nam Á.

+ Giải thích được vì sao dân cư châu Á lại tập trung đông đúc tại đồng bằng châu thổ: do đất đai màu mỡ, đa số cư dân làm nông nghiệp.

+ Giải thích được vì sao Đông Nam Á lại sản xuất được nhiều lúa gạo: đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm.

**3. Thái độ:** Bảo vệ môi trường sống.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn

## II. CHUẨN BỊ

### 1. Đồ dùng

- GV:

+ Bản đồ các nước châu Á.

+ Bản đồ tự nhiên châu Á.

- HS: SGK, vở

### 2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi

- Kỹ thuật trình bày 1 phút

- PP: quan sát, thảo luận, vấn đáp

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. Hoạt động khởi động:(5phút)</b>	
- Cho HS hát	- HS hát
- Cho HS nêu đặc điểm tự nhiên của châu Á.	- HS nêu
- HS nghe	- HS nghe
- Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS ghi vở
<b>2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(28phút)</b>	
* <i>Mục tiêu:</i> - Nêu được một số đặc điểm về dân cư của châu Á	
- Nêu một số đặc điểm của khu vực Đông Nam Á.	
- Sử dụng tranh, ảnh, bản đồ, lược đồ để nhận biết một số đặc điểm của dân cư và hoạt động sản xuất của người dân Châu Á.	
<i>(Giúp đỡ HS nhóm M1,2 nắm được nội dung bài học)</i>	
* <i>Cách tiến hành:</i>	

<p><b>* Hoạt động 1: Làm việc cả lớp.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh đọc bảng số liệu về dân số các châu ở bài 17 để so sánh số dân châu Á với số dân của các châu lục khác.</li> <li>- Cho HS trả lời theo câu hỏi:</li> <li>- So sánh số dân châu Á với 1 số châu lục trên thế giới?</li> <li>- Dân cư châu Á tập trung ở những vùng nào? Tại sao?</li> </ul> <p><b>* Hoạt động 2: Làm việc cả lớp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh quan sát hình 5.</li> <li>- Nêu tên một số ngành sản xuất ở châu Á?</li> <li>- Cây bông, cây lúa gạo được trồng nhiều ở những nước nào?</li> <li>- Tên các nước khai thác nhiều dầu mỏ, sản xuất nhiều ô tô?</li> <li>- GV nhận xét, kết luận</li> </ul> <p><b>* Hoạt động 3: Hoạt động cả lớp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh quan sát hình 3 ở bài 17 và hình 5 ở bài 18.</li> <li>- Cho biết vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á?</li> <li>- Vì sao khu vực Đông Nam Á lại sản xuất được nhiều lúa gạo?</li> <li>- Giáo viên nhận xét bổ sung.</li> <li>- Ghi nhớ:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS báo cáo kết quả</li> <li>- Châu Á có số dân đông nhất trên thế giới.</li> <li>- Đa số dân cư châu Á là người da vàng. Họ sống tập trung đông đúc tại các vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ. Vì nơi đó thuận tiện cho ngành nông nghiệp phát triển mạnh mẽ.</li> <li>- HS tự trả lời câu hỏi rồi báo cáo:</li> <li>- Trồng bông, trồng lúa mì, lúa gạo, nuôi bò, khai thác dầu mỏ, sản xuất ô tô.</li> <li>- Được trồng nhiều ở nước Trung Quốc và Ấn Độ.</li> <li>- Khai thác dầu ở Trung Quốc và Ấn Độ.</li> <li>- Sản xuất nhiều ô tô: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.</li> <li>- HS quan sát</li> <li>- Nằm ở phía Đông Nam châu Á, phía Đông giáp với Thái Bình Dương, phía Tây Nam giáp với Ấn Độ Dương, phía Bắc giáp Trung Quốc.</li> <li>- Vì khu vực Đông Nam Á có khí hậu nóng ẩm.</li> <li>- Học sinh đọc lại</li> </ul>
<p><b>3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên 11 nước thuộc khu vực ĐNÁ ?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu: Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Sin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Đông-ti-mo, Mi-an-ma, Bru-nây...</li> </ul>
<p><b>4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về nhà tìm hiểu về một số nước trong khu vực Đông Nam Á.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe và thực hiện</li> </ul>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

Thứ tư ngày 23 tháng 1 năm 2019

*Kể chuyện*

## KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

### I. MỤC TIÊU:

**1. Kiến thức:** Biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.

**2. Kỹ năng:** HS kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc về những tấm gương sống, làm việc theo pháp luật, theo nếp sống văn minh.

**3. Thái độ:** Tôn trọng những tấm gương sống, làm việc theo pháp luật, theo nếp sống văn minh.

\* **GDDD HCM:** Giáo dục ý thức chấp hành nội qui của Bác trong câu chuyện Bảo vệ như thế là tốt.

### 4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

### II. CHUẨN BỊ

#### 1. Đồ dùng

- Giáo viên: SGK, bảng phụ, một số sách báo, truyện đọc, viết về các tấm gương sống làm việc theo pháp luật theo nếp sống văn minh.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết, các câu chuyện,...

#### 2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

### III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
<b>1. Hoạt động Khởi động (3')</b>	
- Cho HS thi kể lại câu chuyện “Chiếc đồng hồ” và nêu ý nghĩa câu chuyện. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS kể  - HS nghe - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học: (8')</b> * <i>Mục tiêu:</i> Chọn được câu chuyện đã nghe, đã đọc về những tấm gương sống, làm việc theo pháp luật, theo nếp sống văn minh. ( <i>Lưu ý HS M1,2 lựa chọn được câu chuyện phù hợp</i> ) * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Giáo viên chép đề lên bảng  - Đề bài yêu cầu làm gì? - Thế nào là sống, làm việc theo pháp luật,	<b>Đề bài:</b> <i>Kể một câu chuyện em đã nghe, đã đọc về những <u>tấm gương sống, làm việc theo pháp luật</u>, theo <u>nếp sống văn minh</u>.</i> - HS nêu + Là người sống, làm việc theo đúng

theo nếp sống văn minh?	quy định của pháp luật, nhà nước. + Là người luôn đấu tranh chống các vi phạm pháp luật.
<b>3. Hoạt động thực hành kể chuyện:(23 phút)</b>	
* Mục tiêu:	
- HS kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc về những tấm gương sống, làm việc theo pháp luật, theo nếp sống văn minh.	
- Biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.	
(Giúp đỡ HS (M1,2) kể được câu chuyện)	
* Cách tiến hành:	
- Gọi học sinh đọc gợi ý trong SGK. - Yêu cầu HS giới thiệu câu chuyện mình định kể.  - Kể trong nhóm- GV đi giúp đỡ từng nhóm. Gợi ý HS: +Giới thiệu tên câu chuyện. + Mình đọc, nghe truyện khi nào? + Nhân vật chính trong truyện là ai? + Nội dung chính mà câu chuyện đề cập đến là gì? + Tại sao em lại chọn câu chuyện đó để kể? - Học sinh thi kể trước lớp	- Học sinh nối tiếp nhau đọc gợi ý. - Học sinh nối tiếp nhau giới thiệu câu chuyện mình định kể trước lớp (nêu rõ câu chuyện đó nói về ai) - HS kể theo cặp và trao đổi ý nghĩa câu chuyện.  - Học sinh thi kể trước lớp và trao đổi cùng bạn. - HS khác nhận xét bạn kể chuyện theo các tiêu chí đã nêu. - Lớp bình chọn
- GV tổ chức cho HS bình chọn. + Bạn có câu chuyện hay nhất? + Bạn kể chuyện hấp dẫn nhất? - Giáo viên nhận xét và đánh giá.	
<b>3. Hoạt động ứng dụng (2')</b>	
- Em học tập được điều gì qua các câu chuyện các em vừa kể ?	- HS nêu
<b>4. Hoạt động sáng tạo (1')</b>	
- Về nhà kể lại câu chuyện cho cả nhà cùng nghe.	- HS nghe và thực hiện

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
 .....  
 .....

*Toán*  
**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Biết tính diện tích hình tròn khi biết:



- Bán kính của hình tròn.
- Chu vi của hình tròn.
- HS làm bài 1, bài 2.

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tính diện tích hình tròn.

**3. Thái độ:** Chăm thận, tỉ mỉ, chính xác.

**4. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

## II. CHUẨN BỊ

### 1. Đồ dùng

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ
- Học sinh: Sách giáo khoa, vở.

### 2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. Hoạt động khởi động:(5phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS nêu quy tắc và công thức tính chu vi, diện tích hình tròn?</li> <li>- Nhận xét.</li> <li>- Giới thiệu bài - Ghi vở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu</li> <li>- HS nghe</li> <li>- HS ghi vở</li> </ul>
<b>2. Hoạt động thực hành:(28 phút)</b>	
<p>* <i>Mục tiêu:</i> Biết tính diện tích hình tròn khi biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán kính của hình tròn.</li> <li>- Chu vi của hình tròn.</li> <li>- HS làm bài 1, bài 2.</li> </ul> <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p><b>Bài 1: HĐ cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu HS nêu cách tính diện tích của hình tròn.</li> <li>- Yêu cầu HS vận dụng công thức tính diện tích hình tròn để làm bài.</li> <li>- Giáo viên nhận xét, kết luận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- 2 HS nêu</li> <li>- Học sinh làm bài vào vở, chia sẻ kết quả</li> </ul> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a) Diện tích của hình tròn là :  <math>6 \times 6 \times 3,14 = 113,04 (cm^2)</math></p> <p>b) Diện tích của hình tròn là :  <math>0,35 \times 0,35 \times 3,14 = 0,38465 (dm^2)</math></p>
<p><b>Bài 2: HĐ nhóm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc đề bài.</li> <li>- Cho Hs thảo luận nhóm theo câu hỏi:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1HS đọc đề bài</li> <li>- HS thảo luận</li> </ul>

<p>- Để tính được diện tích của hình tròn em cần biết được yếu tố nào của hình tròn.</p> <p>- Để tính được bán kính của hình tròn em cần biết được yếu tố nào của hình tròn.</p> <p>- Biết chu vi của hình tròn, muốn tìm đường kính của hình tròn ta làm thế nào?</p> <p>- Biết đường kính của hình tròn, muốn tìm bán kính của hình tròn ta làm thế nào?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài</p> <p>- Giáo viên nhận xét, kết luận</p> <p>- Cùng cố kĩ năng tìm thừa số chưa biết dạng <math>r \times 2 \times 3,14 = 6,28</math></p> <p><b>Bài 3(Bài tập chò): <i>HD cá nhân</i></b></p> <p>- Cho HS làm bài cá nhân</p> <p>- GV quan sát, uốn nắn nếu cần</p>	<p>- Cần phải biết được bán kính của hình tròn.</p> <p>- Cần phải biết được đường kính của hình tròn.</p> <p>- Ta lấy chu vi chia cho 3,14</p> <p>- Ta lấy đường kính chia cho 2</p> <p>- Học sinh làm bài, chia sẻ</p> <p style="text-align: center;"><b>Giải</b></p> <p>Đường kính hình tròn là:  <math>6,28 : 3,14 = 2 \text{ (cm)}</math>                  Bán kính hình tròn là:  <math>2 : 2 = 1 \text{ (cm)}</math>                  Diện tích hình tròn là:  <math>1 \times 1 \times 3,14 = 3,14 \text{ (cm}^2\text{)}</math>                  Đáp số: <math>3,14 \text{ cm}^2</math></p> <p>- HS làm bài cá nhân</p> <p>- HS báo cáo kết quả với giáo viên</p> <p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p>Diện tích của hình tròn nhỏ(miệng giếng) là:  <math>0,7 \times 0,7 \times 3,14 = 1,5386 \text{ (m}^2\text{)}</math>                  Bán kính của hình tròn lớn là:  <math>0,7 + 0,3 = 1 \text{ (m)}</math>                  Diện tích của hình tròn lớn là:  <math>1 \times 1 \times 3,14 = 3,149 \text{ (m}^2\text{)}</math>                  Diện tích thành giếng( phần tô đậm) là:  <math>3,14 - 1,5386 = 1,6014 \text{ (m}^2\text{)}</math>                  Đáp số: <math>1,6014 \text{ m}^2</math></p>
<p><b>3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</b></p>	
<p>- Muốn tính diện tích hình tròn khi biết chu vi hình tròn đó ta làm như thế nào?</p>	<p>- HS nêu:                  + Ta tính bán kính bằng cách lấy diện tích chia cho 2 rồi chia cho 3,14                  + Ta tính diện tích hình tròn khi đã biết bán kính của hình tròn đó.</p>
<p><b>4. Hoạt động sáng tạo:(1phút)</b></p>	
<p>- Về nhà vận dụng kiến thức vào thực tế.</p>	<p>- HS nghe và thực hiện.</p>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**